

Phụ lục 3
KẾT QUẢ XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG
UBND CÁC XÃ, PHƯỜNG TỈNH ĐẮK LẮK NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / / của UBND tỉnh)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ số chất lượng hoạt động theo Quyết định số 02050/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh
1	Phường Buôn Ma Thuột	93.46 %
2	Xã Hòa Mỹ	92.89 %
3	Xã Phú Xuân	92.50 %
4	Phường Tuy Hòa	91.55 %
5	Xã Phú Hòa 1	91.55 %
6	Xã Liên Sơn Lắc	90.67 %
7	Xã Dray Bhang	90.60 %
8	Phường Đông Hòa	90.08 %
9	Phường Bình Kiến	90.07 %
10	Xã Tuy An Đông	89.89 %
11	Xã Tuy An Tây	89.81 %
12	Phường Hòa Hiệp	89.80 %
13	Xã Ea Păl	89.34 %

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ số chất lượng hoạt động theo Quyết định số 02050/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh
14	Phường Ea Kao	89.23 %
15	Xã Đồng Xuân	89.04 %
16	Xã Hòa Thịnh	89.02 %
17	Xã Hòa Xuân	88.90 %
18	Phường Phú Yên	88.85 %
19	Xã Krông Pắc	88.82 %
20	Xã Cư Pong	88.81 %
21	Xã Sơn Hòa	88.74 %
22	Xã Pong Drang	88.61 %
23	Xã Tân Tiến	88.20 %
24	Xã Quảng Phú	88.19 %
25	Xã Hòa Phú	87.89 %
26	Xã Phú Hòa 2	87.66 %
27	Xã Sơn Thành	87.57 %
28	Xã Cư M'ta	87.51 %
29	Phường Sông Cầu	87.09 %
30	Xã Tuy An Nam	87.03 %

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ số chất lượng hoạt động theo Quyết định số 02050/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh
31	Xã Krông Năng	86.57 %
32	Xã Tây Sơn	86.10 %
33	Phường Tân Lập	85.79 %
34	Xã Tây Hòa	85.44 %
35	Xã Hòa Sơn	84.68 %
36	Phường Cư Bao	84.51 %
37	Phường Buôn Hồ	84.45 %
38	Xã Sông Hình	84.36 %
39	Xã Ea M'Droh	84.35 %
40	Xã Ea Knốp	84.30 %
41	Xã Ô Loan	84.27 %
42	Xã Ia Rvê	84.24 %
43	Xã Ea Riêng	84.12 %
44	Xã Krông Bông	83.87 %
45	Xã Ea Kar	83.53 %
46	Xã Ia Lốp	83.49 %
47	Xã Cư Prao	83.38 %

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ số chất lượng hoạt động theo Quyết định số 02050/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh
48	Xã Ea Bá	83.04 %
49	Xã Tam Giang	82.99 %
50	Xã Tuy An Bắc	82.96 %
51	Phường Thành Nhất	82.86 %
52	Xã Ea Kly	82.71 %
53	Xã Krông Ana	82.24 %
54	Phường Tân An	82.12 %
55	Xã Vân Hòa	81.68 %
56	Xã Đức Bình	81.58 %
57	Xã Cuôr Đăng	81.52 %
58	Xã Cư Yang	81.41 %
59	Xã Dur Kmăl	81.33 %
60	Xã Ea Ktur	80.45 %
61	Xã Ea H'Leo	80.45 %
62	Xã Ea Khăl	79.72 %
63	Xã Ea Na	79.65 %
64	Xã Ea Ly	79.29 %

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ số chất lượng hoạt động theo Quyết định số 02050/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh
65	Xã Ea Tul	79.27 %
66	Xã Xuân Thọ	79.27 %
67	Xã Ea Drăng	79.15 %
68	Xã Ea Súp	78.84 %
69	Xã Ea Rốk	78.79 %
70	Xã Krông Búk	78.31 %
71	Phường Xuân Đài	78.10 %
72	Xã Krông Á	77.63 %
73	Xã Phú Mỹ	77.40 %
74	Xã Ea Trang	77.38 %
75	Xã Ea Ô	77.15 %
76	Xã Đăk Liêng	77.12 %
77	Xã Xuân Phước	76.93 %
78	Xã Ea Kiết	76.60 %
79	Xã Ea Knuéc	76.36 %
80	Xã Suối Trai	75.06 %
81	Xã Đăk Phoi	73.72 %

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ số chất lượng hoạt động theo Quyết định số 02050/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh
82	Xã Vụ Bồn	73.50 %
83	Xã Ea Drông	73.11 %
84	Xã Ea Nuôl	72.43 %
85	Xã Xuân Lãnh	72.38 %
86	Xã Cư Pui	71.47 %
87	Xã Dliê Ya	71.35 %
88	Xã Ea Phê	71.29 %
89	Xã Ea Bung	71.15 %
90	Xã M'Drăk	70.91 %
91	Xã Ea Wy	68.80 %
92	Xã Cư M'gar	67.17 %
93	Xã Xuân Cảnh	67.00 %
94	Xã Ea Wer	66.93 %
95	Xã Ea Ning	66.71 %
96	Xã Ea Hiao	66.34 %
97	Xã Dang Kang	63.48 %
98	Xã Nam Ka	61.44 %

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Chỉ số chất lượng hoạt động theo Quyết định số 02050/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND tỉnh
99	Xã Yang Mao	59.58 %
100	Xã Xuân Lộc	52.44 %
101	Xã Buôn Đôn	52.31 %
102	Xã Krông Nô	50.76 %